



PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT LẦN 1

Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau
Kèm theo Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau

111 - Ông (bà): Huỳnh Hữu Dũng - Trần Thị Thu

* Số định danh cá nhân: 096072012199 - 096174009903

* Địa chỉ thường trú: Khóm 5, Phường Tân Thành, thành phố Cà Mau.

* Nơi ở hiện nay: Khóm 4, Phường Tân Thành, thành phố Cà Mau.

* Số điện thoại: 0949.846.964

- Thừa đất số: 17

Tờ bản đồ số: 03

- Địa chỉ nhà, đất thuộc phạm vi GPMB: Khóm 4, Phường Tân Thành, thành phố Cà Mau.

- Nguồn gốc: Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH000026 (số seri BL 624846) được UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 07/02/2013 cho ông Huỳnh Hữu Dũng và bà Trần Thị Thu, diện tích 3644,4m² đất trồng lúa. Loại đất bị ảnh hưởng GPMB là đất trồng lúa.

* Bảng chiết tính bồi thường, hỗ trợ:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng mục	ĐVT	Loại đất/ Cấp hạng	Khối lượng	Đơn giá	Hệ số	Hệ số (K _T)	Thành tiền
I	Bồi thường và hỗ trợ về đất							889.882.000
	Bồi thường							889.882.000
01	Đất trồng lúa tiếp giáp Kênh	m ²	LUC	2617,30	340.000	1,0		889.882.000
II	Cây trồng							3.329.207
	Cây lúa							3.329.207
01	Cây lúa	m ²	B	2562,90	1.299	1,00		3.329.207
	Cộng							893.211.207

Bằng chữ: Tám trăm chín mươi ba triệu, hai trăm mười một ngàn, hai trăm lẻ bảy đồng chẵn.

Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà chấp hành tốt kế hoạch thu hồi đất, chủ trương, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng đúng thời hạn thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng (0,01 lần số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt nhưng không thấp hơn 2.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân và không vượt quá 20.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân) là:

8.932.112 đồng/hộ

Ghi chú:

- Theo Biên bản ngày 29/3/2025 về việc xét duyệt hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi Dự án: Ông (bà) Huỳnh Hữu Dũng - Trần Thị Thu không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất nông nghiệp bị thu hồi.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1760/QĐ-UBND

TP. Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp cảng hàng không Cà Mau trên địa bàn phường Tân Thành, thành phố Cà Mau
(Lần 1: 148 hộ gia đình, cá nhân)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-BGTVT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11/11/2024 của HĐND tỉnh Cà Mau về chủ trương đầu tư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;



Căn cứ Công văn số 9741/UBND-XD ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Cà Mau quy định giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thực tế cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm giai đoạn (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ;

Căn cứ Công văn số 9842/UBND-NNTN ngày 20/11/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc giao nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 7241/QĐ-UBND ngày 08/12/2024 của UBND thành phố Cà Mau về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND thành phố Cà Mau về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 7222/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND thành phố Cà Mau về việc Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát đo đạc, kiểm đếm, thông báo thu hồi đất và Kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 175/UBND-NNTN ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 1453/UBND-NNTN ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Cà Mau về việc hỗ trợ khác đối với cây trồng, vật nuôi thủy sản và mức giá bồi thường thiệt hại cây trồng không có trong quy định;

Căn cứ Công văn số 871/UBND-GPMB ngày 24/02/2025 của UBND thành phố về việc bồi thường, GPMB Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, Tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND thành phố Cà Mau về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp cảng hàng không Cà Mau.

Căn cứ Kết quả kiểm kê đất đai, điều tra xã hội học, đo đạc, kiểm kê tài sản gắn liền với đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau kết hợp với Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, phường 6 và các hộ bị ảnh hưởng thực hiện.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cà Mau tại Tờ trình số 272/TTr-PTNMT ngày 31/3/2025, kèm theo Biên bản thẩm định phương án số 08/BBTD ngày 31/3/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp cảng hàng không Cà Mau, bao gồm:

1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp cảng hàng không Cà Mau trên địa bàn phường Tân Thành, thành phố Cà Mau (Lần 1: 148 hộ gia đình, cá nhân) do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh lập, với những nội dung chủ yếu như sau:

- Tổng số hộ được bồi thường, hỗ trợ: 148 hộ gia đình, cá nhân.
- Tổng giá trị phê duyệt phương án: 126.917.805.597 đồng

Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu tỷ, chín trăm mười bảy triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, năm trăm chín mươi bảy đồng chẵn.

Trong đó:

- + Kinh phí bồi thường đất: 102.521.203.100 đồng
- + Kinh phí hỗ trợ đất: 10.728.863.916 đồng
- + Kinh phí hỗ trợ ổn định sản xuất: 344.049.339 đồng
- + Kinh phí bồi thường nhà, công trình, vật kiến trúc: 6.056.501.515 đồng
- + Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng: 1.456.422.165 đồng
- + Kinh phí bồi thường, hỗ trợ vật nuôi thủy sản: 4.234.404.646 đồng
- + Kinh phí các chính sách hỗ trợ và hỗ trợ khác: 597.041.580 đồng
- + Kinh phí hỗ trợ hộ bàn giao mặt bằng trước thời hạn (dự kiến): 979.319.336 đồng

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng hộ có đất thu hồi. (Có Phương án chi tiết kèm theo)

Ghi chú:

Kinh phí thực hiện GPMB đối với dự án trên thực hiện theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau.

4. Tổ chức được giao thực hiện công tác bồi thường, GPMB: Theo Công văn số 9842/UBND-NNTN ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan.

1. Ủy ban nhân dân phường Tân Thành nơi có đất có trách nhiệm phối hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự, thủ tục Luật định; Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các đơn vị có liên quan tuyên truyền vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chấp hành chủ trương thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bàn giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

2 Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Tân Thành phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Tân Thành và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có); Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự, thủ tục luật định.

3 Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, bàn giao đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi, thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật (nếu có) và các nhiệm vụ, trách nhiệm khác có liên quan theo quy định.

(Kèm theo Bảng tổng hợp chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân).

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Cà Mau, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Chủ đầu tư, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành và các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có tên trong phương án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- TT PTQĐ TP;
- CV GPMB;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



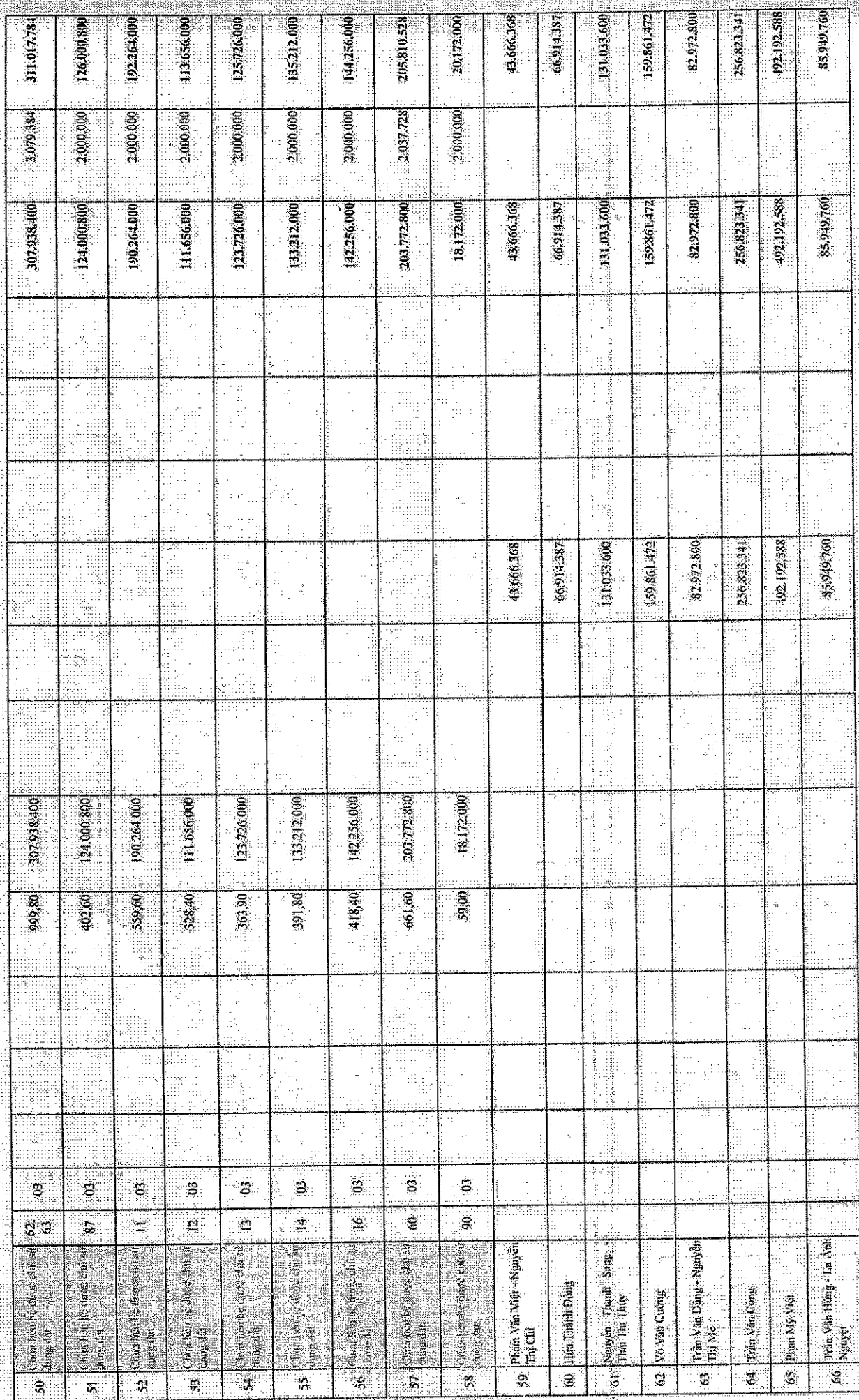
Tô Hoài Phương



HÀNG TỔNG HỢP KINH PHÍ PHƯƠNG AN (LẦN 1) BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÀI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÀI ĐỊNH CƯ ĐỂ MỞ RỘNG, NÂNG CẤP
CẢNG HÀNG KHÔNG CÀ MAU TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG TÂN THÀNH, THÀNH PHỐ CÀ MAU
 (Kèm theo Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND thành phố)

STT	Họ và tên	Số thửa	Số tờ	Diện tích (m ²)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)										Hỗ trợ hộ bán giao mặt bằng đúng thời hạn (Dự kiến)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và hỗ trợ hộ bán giao mặt bằng đúng thời hạn (Dự kiến)
				Đất ở tại đô thị (ODT)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất trồng lúa (L/C)	Bồi thường đất	Hỗ trợ đất	Hỗ trợ ổn định sản xuất	Nhà, công trình, vật kiến trúc	Cây trồng	Vật nuôi thủy sản	Các chính sách hỗ trợ và hỗ trợ khác	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ				
01	Nguyễn Bá Lành - Xã Phương Kiều	03	01				2.726,60	839.792.800		1.677.312	11.002.000					852.472.112	860.996.833		
02	Phạm Văn Đông											428.710.800				428.710.800			
03	Phạm Văn Hải - Hộ Thủ Nhỏ	02	01				1.267,90	390.513.200			52.273.000				4.427.862	442.786.200	447.214.062		
04	Nguyễn Văn Đoàn											131.396.700				131.396.700	131.396.700		
05	Phạm Văn Tâm - Hồng Thi Dân	04	01				3.286,10	1.012.118.800	11.639.366	22.467.792	54.210.200	315.978.600	3.243.420		15.714.760	1.571.475.998	1.587.190.758		
06	Nguyễn Minh Trí	06	01			482,70		164.118.000			7.241.000	34.865.730			2.062.248	206.224.750	208.286.998		
07	Trần Ngọc Tiến - Tầng 13, 14	09, 13, 14	01			11.001,10		3.740.374.000	20.000.000	36.603.084	113.868.200	778.185.056	6.486.840		20.000.000	5.836.402.320	5.856.402.320		
08	Nguyễn Tấn Minh	08	01				3.938,60	1.139.124.000			18.500.000				13.576.240	1.357.624.000	1.371.200.240		
09	Nguyễn Tấn Thu	07	01			13,40		4.556.000							2.000.000	4.556.000	6.556.000		
10	Nguyễn Thị Tươi	10	01			255,80		86.972.000							2.000.000	86.972.000	88.972.000		
11	Nguyễn Văn Khôi										5.435.000	39.574.824				45.009.824	45.009.824		
12	Kỳ Kim Liên										422.435					422.435	422.435		
13	Lương Hồng Bắc - Đỗ Thị Thược	23	01				1.536,50	322.410.000	6.791.330		56.482.000	16.077.676	5.405.700		7.638.897	763.889.706	771.528.603		
14	Trần Minh Hằng	34, 35	01				4.037,90	1.372.886.000			1.250.000				13.741.360	1.374.136.000	1.387.877.360		
15	Trần Minh Hồ	22	01				203,30	74.936.400							2.000.000	74.936.400	76.936.400		

34	Nguyễn Thị Hiền	42	01						1.055,70	602.355.600	174.937.224	7.773.928	131.281.920	25.222.800		40.973.680	982.544.152	9.825.442	992.369.594
35	Cao Cẩm Loan	34	02						2.594,00	798.952.000				440.000			799.392.000	7.993.920	807.385.920
36	Trần Văn Quang Nguyễn Thị Hồng	47	01						1.296,00	399.168.000	MAU 7.000 1.172.504.000	1.89.184	62.269.925	23.062.600		12.973.680	622.413.789	6.224.138	628.637.927
37	Nguyễn Công Đăng	45	02						1.601,80	494.278.400							494.278.400	4.942.784	499.221.184
38	Trần Thanh Phong - Cao Trương Duy	46	02						2.963,60	912.788.800							912.788.800	9.127.888	921.916.688
39	Quách Văn Tân	02, 19, 30, 44	02, 03						7.129,70	2.382.613.200	714.783.960	20.000.000			3.129.421	1.126.634.590	4.253.638.011	20.000.000	4.273.638.011
40	Lê Văn Khước (chết) (con là ông Lê Hoàng An sinh thêm 12 theo quy định)	47	02						1.914,30	589.604.400	176.881.320	7.664.857	99.614.346	17.721.000		315.661.640	1.213.634.403	12.136.344	1.225.770.747
41	Lâm Thanh Tùng - Lê Thị Lệ Hằng	48	02						999,70	307.907.600							307.907.600	3.079.076	310.986.676
42	Nguyễn Văn Cảnh - Trương Kim Mỹ	54	02						1.296,60	399.352.800			8.482.320	1.071.000			408.906.120	4.089.061	412.995.181
43	Nguyễn Văn Trăn - Nguyễn Thị Bích Ngọc	53	02						2.322,10	715.206.800	209.940.192	9.251.470	66.662.834	56.452.300		52.283.760	1.163.744.616	11.637.446	1.175.382.062
44	Nguyễn Thanh Dư	56, 63	02						8.950,70	3.043.238.000	912.971.300	20.600.000		18.115.501		15.709.620	4.013.277.941	20.000.000	4.033.277.941
45	Chùa Phật giáo - Chùa Đông Sơn	96	02						320,10	98.590.800							98.590.800	2.000.000	100.590.800
46	Chùa Phật giáo - Chùa Đông Sơn	95	02						500,20	154.061.600							154.061.600	2.000.000	156.061.600
47	Chùa Phật giáo - Chùa Đông Sơn	64	02						649,50	200.046.000							200.046.000	2.000.460	202.046.460
48	Chùa Phật giáo - Chùa Đông Sơn	69	02						1.480,40	455.963.200							455.963.200	4.559.632	460.522.832
49	Chùa Phật giáo - Chùa Đông Sơn	79	02						664,30	204.604.400							204.604.400	2.046.044	206.650.444



67	Le Minh Nien - Cao Thi Hai Yen	19	03							308.000.000	1.000,00	308.000.000								308.000.000	3.080.000	311.080.000
68	Tran Hong Thiem - Huynh Thi Nghiep	20	03							616.184.800	2.000,60	616.184.800								618.694.338	6.186.943	624.881.281
69	Tran Ngoc Dep - Tran Quang Trung	25	03	394,40						2.151.868.800	6.427,00	2.151.868.800								2.157.928.800	20.000.000	2.177.928.800
70	Dang Thi Lien chung su chung dat voi DS Thanh Hoa	66	03							157.603.600	511,70	157.603.600								157.603.600	2.000.000	159.603.600
71	Huynh Quoc Toan - Le Hong Quanh	39	01							540.909.600	1.756,20	540.909.600	162.272.880	7.031.823						757.250.485	7.572.505	764.822.990
72	Nguyen Quang Khai - Nguyen Thi Tuyet Minh	30	01							621.390.000	2.017,50	621.390.000								621.390.000	6.213.900	627.603.900
73	Ly Van Thuong	75	02							2.092.537.600	6.797,20	2.092.537.600	628.061.280	20.080.000						2.756.403.867	20.000.000	2.776.403.867
74	Le Van Dao - Le Thi Dua	05	02							101.116.400	328,50	101.116.400								101.116.400	2.000.000	103.116.400
75	Huynh Van Thiao - Le Hoa Dung	27	03							1.771.298.000	5.509,70	1.771.298.000								1.771.298.000	17.712.980	1.789.010.980
76	Nguyen Thanh Yen																			6.600.739		6.600.739
77	Bui Thi Be	71	03							852.821.200	2.768,90	852.821.200								852.821.200	8.528.312	861.349.512
78	Phan Trung Thuy	55	03							3.954.781.600	12.840,20	3.954.781.600								3.954.781.600	20.000.000	3.974.781.600
79	Dang Thanh Hai																			16.384.027		16.384.027
80	Dang Hong Dao	72	03							17.894.800	58,10	17.894.800								17.894.800	2.000.000	19.894.800
81	Cao Van Anh	91	02							264.541.200	858,90	264.541.200								264.541.200	2.645.412	267.186.612
82	Phan Van Vu - Tran Thi Ganh	37	02							462.215.600	1.500,70	462.215.600								482.329.600	4.823.296	487.152.896
83	Ta Nien Lieu	45	03							410.194.400	1.331,80	410.194.400								410.194.400	4.101.944	414.296.344
84	Le Ninh Thang	69	03							179.564.000	583,00	179.564.000								179.564.000	2.080.000	181.564.000

1/5/2017 3:50:11 PM

85	Lý Văn Cuối - Trần Thị Hiền	82	03					658,50	202.818.000	60.845.400	2.636.634			1.253.366		6.486.840	2.740.392	2.740.392	276.779.632
86	Nguyễn Văn Bào - Cao Thị Lan	05/16	04				1.407,20		478.448.000	143.534.400	6.219.824			8.750.000	16.890.390	2.162.280	6.560.049	662.564.943	
87	Trần Hải Nghi	04	04					5.609,90	1.907.366.000	572.209.800	20.000.000			54.002.000	23.456.334	3.243.420	20.000.000	2.610.277.554	
88	Trần Kim Thảo	03	04					968,50	329.290.000	98.787.000	4.289.770			3.804.000	12.309.900	1.081.140	4.496.428	454.139.238	
89	Tương Thị Liễu (chết) (chưa thực hiện thủ tục thanh lý theo quy định)	33/30/42	03		300,00	2.143,00		5.233,60	3.457.515.000					16.278.211	3.970.800	10.000.000	20.000.000	4.071.363.530	
90	Trần Minh Kiên - Diệp Kim Thiên	34	03					650,20	200.261.600	60.078.480	2.603.401			31.483.000	4.115.320	34.486.840	2.973.201	932.661.830	
91	Trần Thị Kiều												142.593.744	1.130.000		28.000.000	171.523.744	171.523.744	
92	Trần Minh Cơ - Đoàn Thị Thuong												251.184.033	17.417.000	4.479.560	34.000.000	407.080.593	407.080.593	
93	Trần Thị Bích												288.273.198	2.125.000		28.000.000	318.398.198	318.398.198	
94	Trần Thanh Nguyên												411.988.974	16.780.000		31.000.000	459.768.974	459.768.974	
95	Nguyễn Thị Thúy Oanh - Cao Minh Hiền	37	03					2.015,00	620.620.000	186.196.000	8.068.060			12.921.000	147.034.560	12.973.680	9.878.033	997.681.333	
96	Phạm Thị Kim Thanh	56/01	04				127,30	12.459,30	3.876.734.400								20.000.000	3.896.734.400	
97	Nguyễn Hoàng Ân - Nguyễn Thị Hòa	65	02					5.184,50	1.762.730.000					20.853.000	278.016.376		20.000.000	2.081.599.376	
98	Phạm Văn Tư	33	02					5.959,10	1.835.402.800					7.657.345			18.430.601	1.861.490.746	
99	Huyền Công Toàn (chết) (chưa thực hiện thủ tục thanh lý theo quy định)	04	02					1.705,90	325.417.200								5.254.172	530.671.372	
100	Nguyễn Văn Đàm - Bùi Cẩm Tách	16/17/32	02					8.550,60	2.633.584.800	749.250.810	20.000.000			10.964.316		16.217.403	20.000.000	3.449.917.026	

101	Nguyễn Quốc Trí	07	04			356,80		121.312.000	36.393.600	2.000.000			8.308.914	1.081.140	169.605.654	2.000.000	171.695.654
102	Trần Quang Vinh - Trần Thị Như Hoàng	87	02			283,60		96.424.000				1.987.000			98.411.000	2.000.000	100.411.000
103	Phạm Hào Khảm - Nguyễn Kim Ngân	67	03			540,00		166.320.000							166.320.000	2.000.000	168.320.000
104	Đặng Minh Trang	11	05		350,40			375.278.400			124.020.163	1.195.000			500.498.563	5.004.936	505.498.499
105	Tạ Thị Nhi	13	05		528,50			689.164.000				1.947.000			691.111.000	6.911.110	698.022.110
106	Nguyễn Thanh Thủy	58	01			978,60		301.408.800	90.422.640	3.918.314	47.139.824	8.023.000	23.517.210	3.243.420	477.672.228	4.776.722	482.448.950
107	Trần Như Đạt - Phan Mai Thị	30, 35, 36	03			1.950,40		600.723.200							600.723.200	6.007.232	606.730.432
108	Phạm Thanh Nhã Trúc	61	02			2.076,50		639.562.000							639.562.000	6.395.620	645.957.620
109	Au Văn Thanh - Đào Mỹ Nhung	65	03			300,40		92.323.200							92.323.200	2.000.000	94.323.200
110	Nguyễn Thị Anh Hải	43, 50	02			5.504,60		1.695.416.800							1.695.416.800	16.954.168	1.712.370.968
111	Nguyễn Hữu Dũng - Trần Thị Ngọc	17	03			2.617,30		889.882.000				3.329.207			893.211.207	8.932.112	902.143.319
112	Nguyễn Thị Diễm Yến	58	03			500,00		154.000.000							154.000.000	2.000.000	156.000.000
113	Đinh Thị Ngọc Linh	09, 14	02			1.000,10		308.030.800							308.030.800	3.080.308	311.111.108
114	Nguyễn Thanh Phương	21	03			2.602,00		801.416.000	240.424.800	10.418.408	29.543.703	170.601.753	51.227.550	6.486.840	1.310.119.114	13.101.191	1.323.220.305
115	Châu Ngọc Anh	22	02			1.500,10		462.030.800				1.922.910			463.953.710	4.639.537	468.593.247
116	Phạm Văn Chia	10	02			5.200,20		1.601.661.600				6.726.872			1.608.388.472	16.083.885	1.624.472.357
117	Nguyễn Đình Mát - Cao Thị Châu	60	02			320,10		98.590.800							98.590.800	2.000.000	100.590.800
118	Hồng Minh Lâm	15, 23, 27	02			3.505,20		1.079.601.600				4.463.104			1.084.064.704	10.840.647	1.094.905.351



119	Trần Văn Sơn - Nguyễn Thị Phương	72	02					7.088,90	2.410.226.000	723.067.800	20.000.000	19.361.821	54.177.180	294.895.632	6.486.840	3.538.215.273	20.000.000	3.548.215.273
120	Trần Văn Hùng - Âu Thị Kí	52	03					7.453,20	2.295.585.600	344.337.840	20.000.000		9.365.141		12.973.680	2.682.262.261	20.000.000	2.702.262.261
121	Đoàn Thanh Ca - Nguyễn Thuần Mạnh	53	01					1.912,00	588.896.000							588.896.000	5.388.960	594.784.960
122	Nguyễn Việt Bắc - Trương Mỹ Diệp	92-93	02					800,10	246.430.800							246.430.800	2.464.308	2.48.895.108
123	Nguyễn Quốc Văn - Thiệu Tuyết Vân	94	02					500,00	154.000.000							154.000.000	2.000.000	156.000.000
124	Lê Duy Linh	18	02					1.603,30	521.536.400				27.568.000			549.104.400	5.491.044	554.595.444
125	Trần Kim Hên	26	02					1.000,50	308.154.000							308.154.000	3.081.540	311.235.540
126	Trần Trình Thành	85-86	03					600,20	184.461.600							184.461.600	2.000.000	186.461.600
127	Trần Kim Lợi	44	02					3.105,90	956.617.200				35.375.000			991.992.200	9.919.922	1.001.912.122
128	Nguyễn Hải Đăng - Đinh Hạnh Năm	51	02					2.005,20	617.601.600				24.915.000			642.516.600	6.425.166	648.941.766
129	Phạm Thị Ba	01	02					8,10	2.494.800	748.440	2.000.000		9.743		1.081.140	6.334.123	2.000.000	8.334.123
130	Phan Huỳnh Phú Quốc - Vũ Thị Nghi	55	02					2.066,40	656.451.200							636.451.200	6.364.512	642.815.712
131	Phạm Hoàng Lễ	59	03					500,20	154.061.600							154.061.600	2.000.000	156.061.600
132	Lý Thanh Tâm - Lê Huỳnh Ní	80	03					227,00	69.916.000							69.916.000	2.000.000	71.916.000
133	Huỳnh Quốc Cơ - Quách Thị Anh	68-70	03					500,00	154.000.000							154.000.000	2.000.000	156.000.000
134	Trần Quốc Khởi - Dương Kim Nữ	59-70	02-03			500,20		611,60	342.434.400							342.434.400	3.424.344	345.858.744
135	Huỳnh Công Thơm - Nguyễn Thị Mỹ Dung	20	05			598,60			780.574.400				9.56.000			781.530.400	7.815.304	789.345.704

136	Nguyễn Đình Phú - Đào Thị Hồng Sảng	80	02							500,20	154.061.600						154.061.600	2.000.000	156.061.600
137	Ông Phạm Văn Rãng tranh chấp ông (bà) Trần Thuần Phong - Cục Thuế Duy	57	02							1.115,80	343.666.400						343.666.400	3.436.664	347.103.064
138	Tô Minh Hưu	61	03							1.000,70	308.215.600						308.215.600	3.082.156	311.297.756
139	Nguyễn Quốc Bì - Lê Anh Tuyết	82	02							500,00	154.000.000						154.000.000	2.000.000	156.000.000
140	Nguyễn Công Đăng - Huỳnh Kim Phương	70	02					8.122,20			2.501.668.400						2.501.668.400	20.000.000	2.521.668.400
141	Huỳnh Thị Thanh Hương	31	01							9.236,10	2.850.878.800						2.850.878.800	20.000.000	2.870.878.800
142	Phạm Tân Hưng	03	02					2.941,00			905.828.000						905.828.000	9.058.280	914.886.280
143	Trần Văn Di	77	02							4.040,00	1.244.320.000			5.082,467	6.486.840		1.645.361.467	16.453.615	1.661.815.082
144	Huỳnh Văn Phái	62	02							4.297,70	1.323.691.600						1.323.691.600	13.236.916	1.336.928.516
145	Huỳnh Văn Bắc	66	02							3.356,10	1.033.678.800						1.033.678.800	30.336.788	1.064.015.588
146	Nguyễn Như Huyền	31	03							878,70	298.758.000						298.758.000	2.987.580	301.745.580
147	Trần Quốc Việt - Lê Tấn Phương Hoàng	26	03							1.002,20	340.748.000						340.748.000	3.407.480	344.155.480
148	Ngô Duy Quyền - Trần Kim Chín	22	03							1.000,00	308.000.000						308.000.000	3.080.000	311.080.000
Tổng				300,00	4.755,50	35.927,30	272.589,70	102.521.203.100	10.728.863.916	344.049.339	6.056.501.515	1.456.472.165	4.234.404.646	597.041.580	125.938.486.261		979.319.336	126.917.805.597	

Số: 414 /QĐ-UBND

TP. Cà Mau, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11/11/2024 của HĐND tỉnh Cà Mau về chủ trương đầu tư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 9741/UBND-XD ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 7222/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND thành phố Cà Mau về việc Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát đo đạc, kiểm đếm, thông báo thu hồi đất và Kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cà Mau tại Tờ trình số 321/TTr-PNNMT ngày 09/4/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 2.617,3 m² đất của ông (bà) Huỳnh Hữu Dũng - Trần Thị Thu, thửa đất số 17 tờ bản đồ số 3 (theo mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 21 năm 2024 do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau lập), phần đất tọa lạc tại Khóm 4, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau.

(Đính kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất).

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố tổ chức triển khai, thực hiện và giao Quyết định này cho ông (bà) Huỳnh Hữu Dũng - Trần Thị Thu; trường hợp ông (bà) Huỳnh Hữu Dũng - Trần Thị Thu không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định tại Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất.

2. Văn phòng HĐND và UBND thành phố Cà Mau có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau, UBND Phường Tân Thành thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CNVPĐKKĐĐ TPCM(cập nhật, chỉnh lý trên bản đồ);
- Sở Tư pháp (thông tin đến các Văn phòng công chứng, phòng công chứng);
- CV GPMB;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tô Hoài Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc triển khai Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND thành phố Cà Mau và tuyên truyền, vận động đối với các hộ gia đình, cá nhân bị hưởng Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau trên địa bàn phường Tân Thành, thành phố Cà Mau (lần 1: 148 hộ gia đình, cá nhân)

Hôm nay vào lúc .14.. giờ .00.. phút, ngày .02... tháng .4.... năm 2025, tại UBND phường Tân Thành.

I. Thành phần tham dự:

- 1/ Ông (bà): ...Đoàn Hoàng Phương....., Đại diện: UBND Phường Tân Thành, TP. Cà Mau
- 2/ Ông (bà): ...Huỳnh Văn Minh....., Đại diện: Phòng NN & MT TP. Cà Mau
- 3/ Ông (bà): ...Nguyễn Chí Nhân....., Đại diện: Trung tâm PT&Đ.Tỉnh Cà Mau
- 4/ Ông (bà): ...Đinh Văn Linh....., Đại diện: UBND Phường Tân Thành
- 5/ Ông (bà): ...Đoàn Thanh Nhã....., Đại diện: UBND Phường Tân Thành
- 6/ Ông (bà): ...Đoàn Thị Dung Cường....., Đại diện: Hội đồng BI, HI, TD TP. Cà Mau
- 7/ Ông (bà): ...Nguyễn An Cường....., Đại diện: Công chức Đ-XD Phường Tân Thành
- 8/ Ông (bà): ...Huỳnh Nôn Dũng....., Đại diện: Khu 4.....
- 9/ Ông (bà): ...Hồ Thị Chu Minh....., Đại diện: Khu 3.....
- 10/ Ông (bà): ...Đoàn Thị Miền....., Đại diện: Trung tâm PT&Đ.Tỉnh Cà Mau
- 11/ Ông (bà): ...Trần Minh Đoàn....., Đại diện: Trung tâm PT&Đ.Tỉnh Cà Mau
- 12/ Ông (bà): ...Huỳnh Quang Linh....., Đại diện: Trung tâm PT&Đ.Tỉnh Cà Mau
- 13/ Ông (bà): ...Đoàn Văn Sỹ....., Đại diện: Trung tâm PT&Đ.Tỉnh Cà Mau

Và .52...hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng Dự án.

II. Nội dung:

Đi vào cuộc họp ông (bà) Đinh Văn Linh....., đại diện UBND Phường Tân Thành giới thiệu thành phần, triển khai nội dung làm việc.

Ông (bà) Nguyễn Chí Nhân....., đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau (Trung tâm) diễn biến lại quá trình thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau. Bên cạnh đó, triển khai Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau. Đồng thời triển khai Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau.

Ông (bà) Le Van Sy.....đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau trao Thông báo về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án chi tiết đến các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau.

(Kèm theo Danh sách ký nhận Thông báo nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, hỗ trợ và phương án chi tiết được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án)

Ông Nguyễn...Chi Nhân..., đại diện Trung tâm hướng dẫn các thông tin ghi trên Thông báo nhận tiền. Đồng thời hướng dẫn thời gian, địa điểm nhận tiền, thời gian bàn giao mặt bằng thực hiện dự án. Đồng thời tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng để dự án đảm bảo tiến độ.

Ý kiến người có đất thu hồi:

Ông Đặng Hoàng Đạo có ý kiến: Yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tái lập sinh kế về hưu. Trong quá trình thi công thực hiện dự án đất tái thiết phải bồi thường cho tôi.

Ông Nguyễn Văn Phát có ý kiến: Ngăn nghị định 101/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 quy định về hỗ trợ tiếp cận xuất đất nông nghiệp, còn quy định mở khai đất hỗ trợ tiếp cận xuất đất nông nghiệp hay không?

Ông Nguyễn Văn Đôn có ý kiến: Khi ban hành phương án chi tiết lại không có ý kiến yêu cầu trợ giá đất, yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp qua đất tiếp giáp kênh cao hơn so với giá đất nông nghiệp tiếp giáp đất khai.

Ông Nguyễn Hữu Dũng có ý kiến: tại sao chỉ thảo luận hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Khi ban hành phương án chi tiết lại không có?

Ông Đặng Minh Trung có ý kiến: tại sao cũng không có trợ giá tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ mà phương án lại có giá bồi thường cao hơn của khu vực. Tân Thành (đất nông nghiệp, cây lâu năm) phải diện tích còn lại yêu cầu hỗ trợ khai hoang sử dụng đất yêu cầu hỗ trợ bồi đắp đất liền tiếp giáp 15m² yêu cầu được tái định cư.

Ông Le Minh Cường có ý kiến: Yêu cầu thu hồi phần

đền tích còn lại hơn 400m²

ông Bùi Duy Linh có ý kiến: Yêu cầu được xem duyệt trực tiếp sản xuất nông nghiệp

ông Trần Hữu Nghị có ý kiến: Yêu cầu thu hồi phần đền tích còn lại hơn 400m²

Đại diện họ Cao Kim Diêu có ý kiến: Trước đây tôi có ruộng cá, tôi có ao, nhưng lại không được hỗ trợ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp

ông Hùng Minh Diem có ý kiến: Yêu cầu được bồi thường bằng giá đất với dự án happyhome và tại sao tôi lại đền bù bằng hồ sơ thu phí an được duyệt lại giảm số tiền đền bù

Bà Châu Ngọc Anh có ý kiến: Yêu cầu được bồi thường bằng giá đất với dự án happyhome với tại sao tôi lại đền bù bằng hồ sơ bị giảm số tiền đền bù

Bà Trần Kim Loan có ý kiến: Yêu cầu được tại đất cũ, yêu cầu hỗ trợ công dân an và yêu cầu tăng giá đất

ông Huỳnh Văn Bội có ý kiến: Yêu cầu tăng giá đất

ông Nguyễn Hải Đăng có ý kiến: Yêu cầu bồi thường đất

ông Huỳnh Hữu Dũng có ý kiến: Yêu cầu hỗ trợ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Bà Trần Kim Loan có ý kiến: Yêu cầu tăng giá đất bồi thường

Đại diện họ Huỳnh Thị Thanh Hằng có ý kiến: Phần đất cũ tôi có lên lập tờ trình được không và khi thực hiện làm nhiệm vụ, phần phần thì bị chiếm tách phần, yêu cầu chuyển đổi nhà ở không đồng ý về giá đất

Bà Cao Thị Hải Yến có ý kiến: Yêu cầu tăng giá đất

ông Phạm Công Danh đại diện họ Phạm Văn Tài có ý kiến: Yêu cầu hỗ trợ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp

ông Phan Công Chuy có ý kiến: Tôi là 1 thửa đất 1 thửa cho thuê và 1 thửa tôi trực tiếp sản xuất, vì thế tôi yêu cầu được hỗ trợ chuyển đổi nhà ở

Sau khi lắng nghe ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân bị

ảnh hưởng đến an toàn diện thành phần dự họp cá ý kiến
giải thích tại lần:

Ông Nguyễn Chí Nhân đại diện Công ty TNHH Cổ Mưu
có ý kiến giải thích:

Đối với nội dung yêu cầu của ông Đặng Hoàng Đạo thì ông Đặng
Hoàng Đạo là con đẻ của ông không thuộc thế hệ kế thừa.

Chuyển đổi nghị thảo điểm 22, nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày
15/7/2024 của Chính phủ, còn nội dung sau khi thì ông đã
bị nhầm lẫn, nhầm phần thì tách như sau thuộc về đơn vị thì ông.

Đối với nội dung yêu cầu của ông Huỳnh Văn Phát: Quy
định hỗ trợ chuyển đổi, nghị tại điểm 22, nghị định 88/2024/NĐ-CP
ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

Đối với nội dung yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghị của ông
Nguyễn Sơn (đại diện là bà Phan Thị Kim (Thanh): Theo Biên bản
xét duyệt ngày 29/3/2025 thì bà Phan Thị Kim Thanh không tiếp
tếp sản xuất đất rừng nghiệp vụ theo đất bị thu hồi, đất cho
bà dân Chi Tân Canh tác.

Đối với nội dung yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Dũng thì ngày
29/3/2025 UBND phường Tân Thành tổ chức xét duyệt thì ông
Huỳnh Hữu Dũng không tiếp tục sản xuất rừng nghiệp vụ do ông Dũng
làm bảo vệ rừng HKS Tân Thành và bà Ngọc có nghị nghiệp buôn
bán nên khi ban lãnh đạo phường an chỉ tất cả hỗ trợ chuyển đổi nghị
theo quy định.

Đối với nội dung yêu cầu của ông Đặng Minh Giang:

+ Về yêu cầu hỗ trợ trả lại rừng sản xuất đất đai với phần đất
còn lại: theo quy định sẽ không được bồi thường, hỗ trợ.

+ Về việc tính giá trị bồi thường về đất: được tính theo loại đất
và tài sản theo bảng giá đất.

+ Về yêu cầu tái định cư: ông Giang bị ảnh hưởng đất không
ảnh hưởng nhà ở nên không được tiếp tục được bồi trợ tái định
cư theo quy định tại điều 111 của Luật đất đai 2024.

+ Về yêu cầu chi phí sản lập: chi phí sản lập thuộc chi phí đầu
tư vào đất, đất rừng rừng hợp đủ điều kiện bồi thường về đất sẽ không
được bồi thường chi phí đầu tư vào đất.



- Đất nền nền dung yêu cầu thu hồ phân đất còn lại lớn hơn $40m^2$; về vấn đề ray UBND thành phố đã có báo cáo gửi UBND tỉnh, khi nào có chủ trương sẽ thực hiện.

Đã: với: nơi: đang: yêu: cầu: của: bà: (bà: Kim: lớn: yêu: cầu: hồ:
tên: công: dân: do: công: dân: do: dân: tích: trữ: hàng: năm: với: mức:
thực: sản: theo: Quyết: định: số: 53/2014/QĐ-UBND: ngày: 30/10/2014
của: UBND: tỉnh: Cà: Mau: quy: định: theo: đơn: báo: ngày: 11/11/2014
về: việc: xử: lý: diện: tích: ao: nuôi: loại: cá: loại: hình: nuôi: đã: với:
vật: nuôi: thực: sản: của: bà: lớn: có: ao: nhưng: không: có: nhân: cá: nên:
không: đủ: diện: tích: nuôi: thực: sản: theo: quy: định

Đôi vợ đôi chồng tại đình cũ thì bà Chấm kim loe không thuộc
tướng, họ tại đình cũ theo quy định

Đời với nhà: đang yêu cầu của ông Trần Hải Đăng về tình
mất đồ cáy tổng: theo quy định luật đất đai 2024 thì cáy tổng
phải có mặt đồ. Yêu tính mặt đồ được Sở NN & PT NT tỉnh Cà
Mau hướng dẫn theo Báo cáo 106/BC-SNN ngày 19/02/2025 và được
UBND tỉnh Cà Mau thông nhất cho chủ tương lập phưng an hồ sơ
khác, thể tại đây với số 1453/UBND-GPMB ngày 28/01/2025.

Đời với nơi đang yêu cầu hồ sơ chuyển đổi nghề của bà Gấm Kim Lợi; theo biên bản ngày 29/3/2015 về việc xét duyệt tiếp nhận xuất đất nông nghiệp của các hộ bị ảnh hưởng dự án thi công. Không tuân thủ các xuất nông nghiệp đã đất không canh tác, ông Đinh Văn Sinh đại diện UBND phường, Tảo Thôn có ý kiến: Đời với nơi đang yêu cầu tiếp nhận xuất đất nông nghiệp của ông Lê Duy Linh do ông Linh cho, ông Cường lý giải như sau không được xét duyệt tiếp nhận xuất nông nghiệp theo quy định.

Ông Cố Hoàn phường Đại diện UBND Town phố Cờ Mưu có ý kiến
đồng thuận tổng hợp của ông Lữ Duy Linh thì UBND phường Tầm Hark
số lập tờ xác minh ngày 05/4/2015.

Ông Đinh Văn Linh đại diện UBND phường Tân Thành có ý kiến: Giải thích rõ nguyên nhân, các 'hố' bị cắt lún' hiện tại, từ chuyển đổi nghề cho bà con được nắm.

Đó với yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề của ông phạm Công Danh (sinh
địa họ ông phạm Văn Sửu) Phường xã Tân xã và Hạng tin để chi trả

.....cơ Huyệch Nhỏ Minh đại dân phòg NN & MT có ý, kiến: để việc
.....nơi dung yêu cầu của các hồ sơ tổng giá đất thì giá đất đó
.....tính bổ thường cho các hồ sơ ảnh hưởng đến các khu vực áp dụng theo
.....Quyết định số 2713 ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Cà Mau, Quyết
.....định số 2713/BĐ-UBND ngày 27/3/2025.
.....để việc thực hiện của ông Nguyễn Sơn (đại dân hồ sơ plan Chi Kim Thành)
.....Vì sao, giá đất tiếp giáp kinh cao hơn giá đất tiếp giáp thửa: Do vị
.....trí đất tiếp giáp kinh thuận lợi về mặt giao thông thủy bộ, gần nền
.....giá đất cao hơn so với vị trí tiếp giáp thửa
.....ông Lê Thanh Nhỏ đại dân UBND Phường Tân Thành có ý
.....kiến: việc thực hiện các hồ sơ đất, các nhân bị ảnh hưởng được tiến
.....hành thường, lần đầu tiên ban giao mặt bằng cho dân sự thì công thức hiện
.....chưa có kịp tiến độ về đây, nên cần tạm dừng tiến hành tạm tính.....

CÀ MAU
T. C. A

Ngoài việc triển khai Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND thành phố Cà Mau về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau, Trung tâm phối hợp với UBND Phường Tân Thành, Trưởng khóm 3 và Trưởng khóm 4 tiến hành niêm yết công khai Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND thành phố Cà Mau về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau và phương án chi tiết tại trụ sở UBND Phường Tân Thành, trụ sở khóm 3 và trụ sở khóm 4 để rộng rãi quần chúng nhân dân được biết.

Biên bản kết thúc lúc .17... giờ .00.. phút cùng ngày, có đọc lại thành phần tham dự cùng nghe nội dung và đồng ý thống nhất ký tên vào biên bản.

THÀNH PHẦN THAM DỰ KÝ TÊN

Đại diện Cảng hàng không
Cà Mau

Đại diện UBND thành
phố Cà Mau

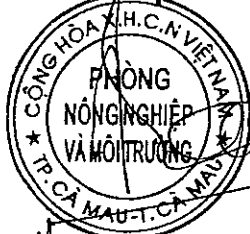
Đại diện Hội đồng BT, HT,
TĐC thành phố Cà Mau



Tô Hải Phương

Leang
Leang Anh Tung

Đại diện Phòng Nông
nghiệp và Môi trường
thành phố Cà Mau



Nguyễn Văn Ninh

Đại diện Trung tâm Phát
triển quỹ đất tỉnh Cà
Mau



Nguyễn Chí Nhân

Đại diện UBND
Phường Tân Thành



Đinh Văn Lĩnh

Đại diện UBMTTQVN
Phường Tân Thành



Le Thanh Khoa

Công chức ĐC - XD
Phường Tân Thành

Nguyễn Anh Tung

Đại diện Khóm 3

Nguyễn Thị Thu Minh

Nguyễn Thị Thu Minh

Đại diện Khóm 4

Nguyễn Văn Dũng

Ghi biên bản

Trần
Huỳnh Chí Minh

Đại diện hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng

~~Đa~~
phạm công Danh (con ~~Phạm~~
phạm Trọng Thủy

~~Mur~~
Trần Kim Lôi ~~nghe~~
Nguyễn Quốc Tài ~~Thái~~

~~Mur~~
~~Phạm Hoàng Đạo~~ ~~lâm~~
Lâm Tấn Hùng (con ~~Phạm~~
Nguyễn Quốc Tài)

~~JH~~
Huỳnh Thị Thanh Hương ~~Ueno~~
Đặng Thanh Hải

~~Mur~~
Lý Thanh Tâm

~~Phạm~~
Phạm Thiên Ân (con)
Phạm
Huỳnh Thị Phụng

~~Phạm~~
Trần Văn Sum
Huỳnh Thanh ~~Thủy~~

~~Đa~~
Lê Văn Di
Lê Văn Di
Nguyễn Di Lan
con Nguyễn Cao Văn Anh.

~~Phạm~~
Phạm ~~Phước~~
Phạm
Lê Thị Lê Hằng

~~V~~
Lê Minh Thống

~~Phạm~~
Đặng ~~Minh~~
Hiệp
Trần Thị Hiệp

~~Phạm~~
Nguyễn Hải Đăng

~~Mur~~
Ah Văn ~~Chào~~
Chào

~~Phạm~~
Nguyễn Việt Bắc
Đa
Huỳnh Công Điền

~~Phạm~~
Nguyễn Văn Thảo

Chào Ngô C. Anh

Dại diện hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng

Thưa
Trần Kim Hoa
Nguyễn
Phạm Văn Chi
Chi
Trần Kim Chi
(Em ruột Trần Kim Thảo)

Nguyễn
Huỳnh Hữu Dũng

Nguyễn
Nguyễn Thanh Tùng
(nhân UQ Tạ Kim Liệt)

Đinh
Trần Chí Cảnh

Nguyễn
Nguyễn Duy Quyền

Nguyễn
Nguyễn Công Đăng

Phạm
Phạm Văn Hùng
Chul
Phạm Thu Ba

Nguyễn
Nguyễn Văn Bảo
Nguyễn
Trần Hữu Nghĩa
Hiền
Cao Minh Hiền

Nguyễn
Trần Thị Ni

Nguyễn
Nguyễn Duy Linh

Nguyễn
Huỳnh Văn Dẩn

Nguyễn
Cao Thị Hải Yến

Bé'
Bùi Thị Bé'
Nguyễn
Nguyễn Đức Cơ

Phạm
Phạm Hoàng Lữ
Nguyễn
Trần Quốc Việt

Nguyễn
Huỳnh Quốc Lữ
Đại diện: Huỳnh Văn

Nguyễn
Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn
Nguyễn Văn
(Chồng)

